TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2026.
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Xuân Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 126/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 23/7/19xx.

Căn cước công dân số

Địa chỉ: Số xx, tổ x, ấp H, xã T, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên hệ: Số xx Hương L, phường B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh ngày 29/3/19xx.

Căn cước công dân số

Địa chỉ: Số xx, ấp L, xã A, tỉnh T.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng có nội dung như sau: Do quen biết, bà và ông Nguyễn Trọng N được gia đình chấp nhận nên sống chung vào năm 2023, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/20xx tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2024 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng sống chung thường xuyên bất đồng quan điểm, không có sự thấu hiểu và chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông N không sống chung và cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ ngày 04/10/2025 cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

Nuôi con chung: Bà và ông N không có con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trọng N; hiện ông N đang sinh sống tại xã A, tỉnh T nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, hôn nhân giữa bà D và ông N có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L (nay là xã A, tỉnh T) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2024, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N nhưng ông N

không có ý kiến gì. Điều này chứng minh ông N không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D có cơ sở chấp nhận.

[4] Nuôi con chung: Bà D xác định bà và ông N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chia tài sản chung: Bà D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Nghĩa vụ trả nợ: Bà D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc "Ly hôn" với ông Nguyễn Trọng N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010577 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản được cấp, tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh.
-VKSND khu vực 5- Tây Ninh.
-THA DS tỉnh Tây Ninh.
-Các đương sự.
-UBND xã A
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa